Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND xã Nam Thanh Miện **Mẫu biểu số: 75**

Chương: 830

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
9 tháng năm 2026 (Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/9/2026)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.
Văn phòng HĐND và UBND xã Nam Thanh Miện công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**54,210,708,150**	**34,904,151,523**	**64.39**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**54,210,708,150**	**34,904,151,523**	**64.39**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**28,467,608,150**	**20,852,158,506**	**73.25**	
	011 - Quốc phòng	**1,520,702,250**	**879,345,125**	**57.82**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	1,068,000,000	426,642,875	39.95	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	452,702,250	452,702,250	100.00	
	041 - An ninh và trật tự an toàn xã hội	**1,935,000,000**	**1,246,364,000**	64.41	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	1,935,000,000	1,246,364,000	64.41	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
	341 - Quản lý nhà nước	**25,011,905,900**	**18,726,449,381**	**74.87**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	11,002,106,000	8,162,492,681	74.19	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	14,009,799,900	10,563,956,700	75.40	
2	**Chi bảo đảm xã hội**	**4,990,400,000**	**2,842,346,900**	**56.96**	
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4,990,400,000	2,842,346,900	56.96	
	374 - Lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	**1,105,000,000**	**966,295,400**	**87.45**	
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1,105,000,000	966,295,400	87.45	
	398 - Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	**3,885,400,000**	**1,876,051,500**	**48.28**	
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3,885,400,000	1,876,051,500	48.28	
3	**Chi hoạt động kinh tế**	**18,158,400,000**	**10,069,566,425**	**55.45**	
	281 - Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	**1,452,400,000**	**505,799,934**	**34.83**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	226,000,000	144,609,034	63.99	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1,226,400,000	361,190,900	29.45	
	283 - Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	**906,000,000**	**64,150,000**	**7.08**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	906,000,000	64,150,000	7.08	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	292 - Giao thông đường bộ	**15,300,000,000**	**9,420,250,600**	**61.57**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	15,300,000,000	9,420,250,600	61.57	
	312 - Kiến thiết thị chính	**500,000,000**	**79,365,891**	**15.87**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	500,000,000	79,365,891	15.87	
4	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**1,041,000,000**	**174,758,000**	**16.79**	
	261 - Xử lý chất thải rắn	**1,041,000,000**	**174,758,000**	**16.79**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1,041,000,000	174,758,000	16.79	
5	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**964,300,000**	**637,946,049**	**66.16**	
	161 - Văn hóa	**964,300,000**	**637,946,049**	**66.16**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	629,000,000	304,233,906	48.37	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	335,300,000	333,712,143	99.53	
6	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**270,000,000**	**149,432,780**	**55.35**	
	191 - Phát thanh	**270,000,000**	**149,432,780**	**55.35**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	270,000,000	149,432,780	55.35	
7	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**319,000,000**	**177,942,863**	**55.78**	
	221 - Thể dục thể thao	**319,000,000**	**177,942,863**	**55.78**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	319,000,000	177,942,863	55.78	

Nam Thanh Miện, ngày 09 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Tuấn Minh